

Số: 2608 /KH-BCĐ

Bìm Sơn, ngày 14 tháng 12 năm 2018

KẾ HOẠCH

Kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn Thị xã năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 189/KH-BCĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa về kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2019, BCĐ về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm thị xã Bìm Sơn (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo) xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trên địa bàn thị xã năm 2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ về an toàn thực phẩm, việc xây dựng xã, phường an toàn thực phẩm của các xã, phường trên địa bàn thị xã.

- Đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống.

- Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật về VSATTP, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền các biện pháp tháo gỡ, khắc phục những khó khăn, giải pháp xử lý nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của các ban ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Phòng ngừa và ngăn chặn có hiệu quả tình trạng sản xuất, kinh doanh nhập khẩu, sử dụng thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, kém chất lượng, không đảm bảo VSATTP; hạn chế các vụ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, góp phần thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Yêu cầu:

- Công tác kiểm tra phải thực hiện khách quan, nghiêm túc, tiết kiệm, đúng nội dung, tiến độ theo kế hoạch.

- Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tránh kiểm tra tràn lan, gây khó khăn, phiền hà, làm cản trở hoạt động bình thường của cơ sở kiểm tra.

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành, tránh chồng chéo, bỏ sót đối tượng; kịp thời phát hiện các phương thức, thủ đoạn mới trong hoạt động sản

xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm không đảm bảo VSATTP; các hành vi vi phạm phải được xử lý nghiêm theo qui định hiện hành của pháp luật.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA LIÊN NGÀNH:

1. Kiểm tra việc thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ của cấp tỉnh và cấp thị xã giao:

1.1. Đối tượng kiểm tra:

- Ban chỉ đạo VSATTP các xã, phường.
- Ban Nông nghiệp/Ban Kinh tế các xã, phường.

1.2. Phạm vi kiểm tra: Các xã, phường trên địa bàn thị xã.

1.3. Nội dung kiểm tra: Kiểm tra tình hình triển khai và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, Chương trình hành động số 26-NQ/TU ngày 05/10/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ Thị xã Bỉm Sơn, Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo khác của tỉnh.

1.4. Thời gian dự kiến: Kiểm tra 8 xã, phường, chia làm 2 đợt, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Dự kiến quý II, kiểm tra 4 xã, phường: Phường Ngọc Trạo, Phường Bắc Sơn, Phường Lam Sơn, Xã Quang Trung.

- Đợt 2: Dự kiến quý IV, kiểm tra 4 xã, phường: Phường Ba Đình, Phường Đông Sơn, Phường Phú Sơn, Xã Hà Lan.

1.5. Tổ chức thực hiện:

a. Thành lập Đoàn kiểm tra: Giao Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm thị xã chủ trì, phối hợp với các phòng: Y tế, kinh tế thành lập Đoàn kiểm tra, tổ chức thực hiện đảm bảo đúng nội dung và thời gian.

b. Phương pháp và qui trình kiểm tra: Đoàn kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra tại các xã, phường và kiểm tra thực tế tại một số các cơ sở trên địa bàn xã, phường.

2. Kiểm tra liên ngành tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết trung thu:

2.1. Đối tượng, phạm vi và thời gian kiểm tra:

a. *Kiểm tra trước trong và sau dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội năm 2019:*

- Đối tượng kiểm tra:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố thuộc quyền quản lý của Thị xã. Tập trung ưu tiên các loại thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Nguyên đán: bánh, mứt kẹo; bia, rượu, nước giải khát; thịt, cá, trứng, sữa, các loại trái cây, rau, củ, quả, các sản phẩm thực phẩm khác...

- Phạm vi kiểm tra: Toàn Thị xã.

- Thời gian dự kiến: Quý I năm 2019.

b. Kiểm tra các bếp ăn tập thể thuộc quản lý của Thị xã:

- Thời gian dự kiến: Quý II năm 2019.

c. Kiểm tra trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm:

- Đối tượng kiểm tra:

+ Các cơ sở thực phẩm quản lý của Thị xã. Tập trung kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm có nguy cơ cáo gây mất an toàn thực phẩm gồm: rau, củ, quả, thịt và các sản phẩm thực phẩm khác...

- Phạm vi kiểm tra: Toàn Thị xã.

- Thời gian dự kiến: Từ ngày 15 tháng 4 đến ngày 15 tháng 5 năm 2019.

d. Kiểm tra trong dịp Tết Trung thu:

- Đối tượng kiểm tra:

+ Các cơ sở thực phẩm quản lý của Thị xã. Tập trung ưu tiên các loại thực phẩm được sử dụng nhiều trong dịp Tết Trung thu gồm: Rượu, bia, giải khát, bánh, mứt, kẹo, các sản phẩm từ rau, củ, quả, thịt và các sản phẩm thực phẩm khác...

- Phạm vi kiểm tra: Toàn Thị xã.

- Thời gian dự kiến: tháng 8, 9 năm 2019.

2.2. Nội dung kiểm tra:

a. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (Đối với cơ sở thuộc diện phải cấp giấy);

- Giấy cam kết bảo đảm ATTP (Đối với cơ sở thuộc diện phải ký cam kết);

- Giấy xác nhận sức khỏe, Giấy xác nhận kiến thức về ATTP đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm, chứng nhận hợp chuẩn/hợp qui đối với những sản phẩm thuộc diện bắt buộc phải công bố;

- Ghi nhãn sản phẩm thực phẩm;

- Tài liệu quảng cáo, hồ sơ đăng ký quảng cáo;

- Hồ sơ theo dõi về chất lượng sản phẩm và phiếu kiểm nghiệm định kỳ đối với các sản phẩm thực phẩm;

- Điều kiện đảm bảo ATTP về trang thiết bị, dụng cụ, con người của cơ sở.

- Quy trình chế biến, bảo quản và vận chuyển sản phẩm;

- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm;

- Nguồn gốc nước để sản xuất thực phẩm;

- Xét nghiệm nhanh và lấy mẫu chuyển về các đơn vị kiểm nghiệm khi cần thiết.

b. Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (Đối với cơ sở thuộc diện phải cấp giấy);

- Giấy cam kết bảo đảm ATTP (Đối với cơ sở thuộc diện phải ký cam kết);

- Giấy xác nhận sức khỏe, Giấy xác nhận kiến thức về ATTP đối với chủ cơ sở và người trực tiếp chế biến, phục vụ ăn uống;
- Điều kiện bảo đảm ATTP về trang thiết bị, dụng cụ, con người của cơ sở;
- Quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm;
- Hồ sơ kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn;
- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm; Giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với các sản phẩm của cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.
- Nguồn nước dùng cho chế biến thực phẩm;
- Các nội dung có liên quan.
- Xét nghiệm nhanh và lấy mẫu chuyên về các đơn vị kiểm nghiệm khi cần thiết.

c. Đối với các bếp ăn tập thể:

- Giấy cam kết bảo đảm ATTP.
- Giấy xác nhận sức khỏe, Giấy xác nhận kiến thức về ATTP đối với người quản lý và người trực tiếp chế biến, phục vụ ăn uống.
- Điều kiện bảo đảm ATTP về trang thiết bị, dụng cụ, con người của bếp ăn;
- Quy trình chế biến, bảo quản thực phẩm;
- Hồ sơ kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn;
- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm; Giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với các sản phẩm của cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ.
- Nguồn nước dùng cho chế biến thực phẩm;
- Các nội dung có liên quan.
- Xét nghiệm nhanh và lấy mẫu chuyên về các đơn vị kiểm nghiệm khi cần thiết.

2.3. Tổ chức thực hiện:

a. Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành:

Giao Văn phòng điều phối VSATTP thị xã chủ trì với Phòng Y tế, Kinh tế, Công an thị xã, Chi cục Quản lý thị trường số 5 thành lập 1 Đoàn kiểm tra liên ngành.

b. Phương pháp và qui trình kiểm tra:

- Nghe đại diện cơ sở báo cáo việc chấp hành các qui định bảo đảm an toàn thực phẩm.
- Thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan.
- Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.
- Xét nghiệm nhanh và lấy mẫu thực phẩm chuyên về các đơn vị kiểm nghiệm khi cần thiết.
- Lập biên bản kiểm tra, hồ sơ xử lý vi phạm (nếu có).
- Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra.

3. Kiểm tra liên ngành đột xuất:

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng điều phối VSATTP thị xã.

- Cơ quan phối hợp: Phòng Y tế, Kinh tế, Công an thị xã, Chi cục Quản lý thị trường số 5, UBND các xã, phường.

- Văn phòng điều phối VSATTP tham mưu cho Trưởng ban chỉ đạo, Chủ tịch UBND Thị xã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành đột xuất tại các cơ sở thực phẩm trong các trường hợp:

+ Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng về ATTP do tổ chức, công dân phản ánh tại các cơ sở thực phẩm do hai ngành quản lý trở lên hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành về ATTP đề nghị tiến hành kiểm tra liên ngành đột xuất;

+ Theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Giao Văn phòng điều phối thị xã lập dự toán kinh phí năm 2019 gửi Phòng Tài chính KH thẩm định và trình Chủ tịch UBND thị xã xem xét quyết định.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP:

1. Văn phòng Điều phối VSATTP thị xã:

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này, lập dự toán gửi Phòng Tài chính kế hoạch thẩm định, sử dụng kinh phí đúng mục đích, thanh toán theo đúng qui định hiện hành của pháp luật.

- Chủ trì Đoàn kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ của Cấp tỉnh và cấp thị xã giao đối với các xã, phường.

- Tổng hợp kết quả; tham mưu cho Trưởng Ban chỉ đạo xử lý đối với các tổ chức, cá nhân thiếu trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo về quản lý ATTP trên địa bàn, chuyển cho cơ quan thanh tra chuyên ngành xử lý theo qui định của pháp luật đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có hành vi vi phạm qui định về ATTP.

2. Trách nhiệm của các ngành:

- Các Phòng: Y tế, kinh tế, công an thị xã, Chi cục quản lý thị trường số 5 tham gia đoàn kiểm tra liên ngành.

- Phòng Tài chính thẩm định kinh phí thực hiện trình Chủ tịch UBND thị xã xem xét, quyết định.

3. Ban chỉ đạo VSATTP các xã, phường:

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra liên ngành năm 2019 trên địa bàn quản lý gửi về Văn phòng Điều phối VSATTP thị xã trước ngày 20/12/2019 để tổng hợp.

4. Đoàn kiểm tra liên ngành Thị xã:

- Tuân thủ các nội dung kiểm tra theo Kế hoạch đã được phê duyệt và theo qui định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ sở kiểm tra, không được gây sách nhiễu, phiền hà cho cơ sở kiểm tra.

- Trong quá trình kiểm tra, phát hiện đơn vị, cá nhân nào thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý thì đề xuất Trưởng ban chỉ đạo thị xã, Chủ tịch UBND thị xã xử lý qua Văn phòng Điều phối VSATTP thị xã; nếu phát hiện cơ

sở thực phẩm có vi phạm về VSATTP thì xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc tố hình sự theo qui định.

- Sau khi kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn tổng hợp kết quả, báo cáo Văn phòng Điều phối VSATTP thị xã. (theo mẫu).

5. Cơ sở thực phẩm được kiểm tra:

- Chủ cơ sở trực tiếp hoặc cử người đại diện hợp pháp để làm việc với Đoàn kiểm tra.

- Cung cấp các hồ sơ tài liệu về VSATTP có liên quan đến nội dung kiểm tra, giải trình các nội dung theo yêu cầu của đoàn.

- Thực hiện kết luận kiểm tra, chấp hành các quyết định của Đoàn kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra liên ngành về VSATTP năm 2019 trên địa bàn thị xã, yêu cầu các ngành, các đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình triển khai, có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND Thị xã (Qua Văn phòng Điều phối VSATTP Thị xã). *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- VP đp VSATTP tỉnh Thanh Hóa (B/c);
- TT. Thị ủy (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND Thị xã (B/c);
- Các thành viên BCD quản lý VSATTP thị xã (T/h);
- VP Điều phối VSATTP thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VPĐP.

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ
Bùi Huy Hùng

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý cơ sở vi phạm

TT	Loại hình	Kết quả					
		Nhắc nhở	Phạt quảng cáo	Phạt tiền	Số cơ sở bị hủy SP	Số cơ sở bị đóng cửa	Số tiền phạt
1	Cơ sở SXTP						
2	Cơ sở KDTP						
3	Cơ sở Kinh doanh DVAU						
4	Cơ sở KDTĂĐP						
Cộng							

Bảng 3. Nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được thanh tra	Số CS vi phạm	Tỷ lệ %
1	Qui định về sử dụng thuốc BVTV			
2	Qui định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi			
3	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ			
4	Điều kiện con người			
5	Công bố sản phẩm			
6	Ghi nhãn sản phẩm			
7	Quảng cáo sản phẩm			
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
9	Vi phạm khác (ghi rõ)			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt

1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số Xét nghiệm tại labo			
2	XN nhanh			
	Cộng			

II. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

.....

2. Khó khăn:

.....

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi gửi:

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)